

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Giang Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 13/09/1982 ; Nam ☐ ; ☒ Nữ ; ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Vĩnh Chấp, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): P504, CT2A, Khu Đô thị Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Trần Giang Nam, Phòng Đại số, Viện Toán học, 18B Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại di động: 0384461302

E-mail: tgnam@math.ac.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9/2004 đến tháng 2/2007: Giảng viên của Trường Đại học Sư phạm Huế

Từ tháng 3/2007 đến tháng 12/2012: Giảng viên của Trường Đại học Đồng Tháp

Từ tháng 1/2013 đến nay: Nghiên cứu viên của Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Phòng Đại số; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Phòng Đại số

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Cơ quan công tác hiện nay: Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: 18B Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 37563 474

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- 1) Học Viện Khoa học và Công nghệ-Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- 2) Trường Đại học Công nghệ-Đại học Quốc Gia Hà Nội
- 3) Trường Đại học FPT
- 4) Trường Đại học Hà Tĩnh
- 5) Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội-Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- 6) Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- 1) Học Viện Khoa học và Công nghệ-Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- 2) Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội-Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- 3) Trường Đại học Công nghệ-Đại học Quốc Gia Hà Nội
- 4) Trường Đại học Hà Tĩnh
- 5) Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 6 năm 2004; số văn bằng: B0525193; ngành: Sư phạm Toán học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Huế, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS: Chuyển tiếp nghiên cứu sinh.

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 07 năm 2012; số văn bằng: 001057; ngành: Toán học; chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Vinh.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh: Chưa được bổ nhiệm.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó Giáo sư tại HĐGS ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Đại số kết hợp

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã hướng dẫn 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS

- Đã hoàn thành đề tài 02 NCKH cấp cơ sở

- Đã công bố 25 bài báo khoa học, trong đó 22 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín.

15. Khen thưởng: Giải thưởng Viện Toán học năm 2021

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và hoàn thành các nhiệm vụ của nhà giáo theo Luật Giáo dục và các quy định của Nhà nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 11 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ :

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2 / BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	1/7/2011-30/6/2012					ĐHĐT: 225		225/247,5/135
2	1/7/2015-30/6/2016			01			VT: 45	45/137,5/135 137,5 = 70 + 67,5 (VT)
3	1/7/2016-30/6/2017			01		SPHN2: 55,5	VT: 75	130,5/249,1/135 249,1 = 70 + 112,5 (VT) + 66,6 (SPHN2)
4	1/7/2017-30/6/2018			02	SPHN2: 01	FPT: 99 ĐHCN: 30	VT: 45	174/360,5/135 360,5 = 99 (FPT) + 67,5 (VT) + 36 (ĐHCN) + 18 (SPHN2) + 140
03 năm học cuối								
5	1/7/2019-30/6/2020					ĐHHT: 30		30/90/135 90 = 40 (ĐHHT) + 50 (VT)
6	1/7/2020-30/6/2021				SPHN2: 01	SPHN2: 90 ĐHCN: 90	VT: 30 HV: 60	270/468/135 468 = 54 + 108 (SPHN2) + 171 (ĐHCN) + 45 (VT) + 90 (HV)
7	1/7/2021-30/6/2022				SPHN2: 01	SPHN2: 120 USTH: 40	VT: 30	190/298,2/135 298,2 = 42 + 108 + 43,2 (SPHN2) + 25 + 45 (VT) + 60 (USTH)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước (*) – Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

(**) Một số viết tắt

- VT: Viện Toán học-Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

- HV: Học viện Khoa học và Công nghệ-Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

- ĐHĐT: Trường Đại học Đồng Tháp

- ĐHHT: Trường Đại học Hà Tĩnh

- FPT: Trường Đại học FPT

- SPHN2: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

- ĐHCN: Trường Đại học Công nghệ-Đại học Quốc Gia Hà Nội

- USTH: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội-Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải:

- Tham gia giảng dạy bằng Tiếng Anh: Trường Đại học Công Nghệ-Đại học Quốc Gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội-Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

- Đi trao đổi khoa học tại Brazil từ 25/11/2018 đến 06/11/2019. Báo cáo bằng Tiếng Anh tại một số hội nghị quốc tế và seminar ở Brazil và Ý.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Hà Thị Thu Trang		HVCH	x		23/1/2015-31/8/2015	Viện Toán học	28/1/2016

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Lê Thành Huế		HVCH	x		29/9/2016-31/3/2017	Viện Toán học	23/10/2018
3	Trương Thị Bích Duyên		HVCN	x		09/2/2017-30/8/2017	Trường Đại học Sư phạm Huế	25/1/2018
4	Nguyễn Văn Thanh		HVCH	x		09/2/2017-30/8/2017	Trường Đại học Sư phạm Huế	25/1/2018

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Phân loại nửa vành đơn đầy đủ	CN	A106-8/2014/VTH Cơ sở	1/1/2014-31/12/2014	6/10/2014/Đạt
2	Tính FP-nội xạ của đại số đồ thị Leavitt	CN	106-8/2015/VTH Cơ sở	1/1/2015-31/12/2015	27/10/2015/Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	On projective covers of semimodules in the category Λ -CSSMod and their applications	02		Southeast Asian Bulletin of Mathematics	ESCI	01 (Mathscinet) 03 (Google Scholar)	31, 363-377	2007
2	On radicals of semirings	02		Southeast Asian Bulletin of Mathematics	ESCI	01 (Mathscinet) 01 (Google Scholar)	31, 131-140	2007

3	On subtractive semisimple semirings	03	x	Algebra Colloquium	ISI IF: 0.429 Q3	14 (Mathscinet) 27 (Google Scholar)	16, 415-426	2009
4	Morita equivalence and homological characterization of semirings	02	x	Journal of Algebra and its Applications	ISI IF: 0.736 Q2	23 (Mathscinet) 51 (Google Scholar)	10, 445-473	2011
5	More on subtractive semirings: simpleness, perfectness, and related problems	03	x	Communications in Algebra	ISI IF: 0.762 Q2	9 (Mathscinet) 16 (Google Scholar)	39, 4342-4356	2011
II	Sau khi được công nhận TS							
6	On simpleness of semirings and complete semirings	03	x	Journal of Algebra and its Applications	ISI IF: 0.736 Q2	15 (Mathscinet) 27 (Google Scholar)	13/6, 1450015, 29 pp.	2014
7	On radicals of semirings and related problems	02	x	Communications in Algebra	ISI IF: 0.762 Q2	03 (Mathscinet) 08 (Google Scholar)	42, 5065-5099	2014
8	On V-semirings and semirings all of whose cyclic semimodules are injective	04	x	Communications in Algebra	ISI IF: 0.762 Q2	12 (Mathscinet) 18 (Google Scholar)	43, 4632-4654	2015
9	On quasi-morphic rings and related problems	03	x	Southeast Asian Bulletin of Mathematics	ESCI	01 (Google Scholar)	40, 23-34	2016
10	FP-injective semirings, semigroup rings and Leavitt path algebras	02	x	Communications in Algebra	ISI IF: 0.762 Q2	02 (Mathscinet) 04 (Google Scholar)	45, 1893-1906	2017
11	Leavitt path algebras having unbounded generating number	03	x	Journal of Pure and Applied Algebra	ISI IF: 0.831 Q1	06 (Mathscinet) 11 (Google Scholar)	221, 1322-1343	2017
12	Toward homological structure theory	03	x	Journal of Algebra	ISI IF: 0.890	10 (Mathscinet) 14 (Google Scholar)	476, 238-266	2017

	of semimodules: on semirings all of whose cyclic semimodules are projective				Q1	Scholar)		
13	On the homological dimensions of Leavitt path algebras with coefficients in commutative rings	02	x	Journal of Algebra	ISI IF: 0.890 Q1	03 (Mathscinet) 05 (Google Scholar)	481, 273-292	2017
14	Simpleness of Leavitt path algebras with coefficients in a commutative semiring	03	x	Semigroup Forum	ISI IF: 0.768 Q2	04 (Mathscinet) 08 (Google Scholar)	94, 481-499	2017
15	Toward homological characterization of semirings by e-injective semimodules	04	x	Journal of Algebra and its Applications	ISI IF: 0.736 Q2	06 (Mathscinet) 09 (Google Scholar)	17/4, 1850059, 24 pp	2018
16	On congruence-semisimple semirings and the K_0 -group characterization of ultramatricial algebras over semifields	03	x	Journal of Algebra	ISI IF: 0.890 Q1	03 (Mathscinet) 06 (Google Scholar)	508, 157-195	2018
17	The structure of Leavitt path algebras and the invariant basis number property	02	x	Journal of Pure and Applied Algebra	ISI IF: 0.831 Q1	01 (Mathscinet) 05 (Google Scholar)	223, 4827-4856	2019
18	On injectivity of semimodules over additively idempotent division semirings and chain MV-semirings	04	x	Journal of Algebra	ISI IF: 0.890 Q1	03 (Google Scholar)	538, 81-109	2019
19	Corners of Leavitt path algebras of finite	02	x	Journal of Algebra	ISI IF: 0.890	03 (Mathscinet)	547, 494-518	2020

	graphs are Leavitt path algebras				Q1	02 (Google Scholar)		
20	Ultramatricial algebras over commutative chain semirings and application to MV-algebras	03	x	Forum Mathematicum	ISI IF: 1.056 Q1	0	32, 287-305	2020
21	On Steinberg algebras of Hausdorff ample groupoids over commutative semirings	02	x	Journal of Pure and Applied Algebra	ISI IF: 0.831 Q1	01 (Google Scholar)	225/4, Paper No. 106548, 22 pp	2021
22	Special irreducible representations of Leavitt path algebras	02	x	Advances in Mathematics	ISI IF: 1.688 Q1	04 (Google Scholar)	377, Paper No. 107483, 31 pp	2021
23	Purely infinite simple ultragraph Leavitt path algebras	02	x	Mediterranean Journal of Mathematics	ISI IF: 1.40 Q2	05 (Google Scholar)	19/1, Paper No. 7, 20 pp	2022
24	Realizing corners of Leavitt path algebras as Steinberg algebras, with corresponding connections to graph C^* -algebras	03	x	Journal of Algebra	ISI IF: 0.890 Q1	02 (Mathscinet) 03 (Google Scholar)	593, 72-104	2022
25	Simple Lie algebras arising from Steinberg algebras of Hausdorff ample groupoids	01	x	Journal of Algebra	ISI IF: 0.890 Q1	02 (Google Scholar)	595, 194-215	2022

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 19

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày tháng năm	Số tác giả
1	Giải thưởng Viện Toán học năm 2021	Viện Toán học-Viện HL KH & CN VN	296/QĐ-VTH ngày 02/12/2021	01

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2019-2022.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Giang Nam
